

**TÓM TẮT TÌNH HÌNH MÔI TRƯỜNG  
KHÔNG KHÍ VÀ NƯỚC THÁNG VI /1997**

**1. Môi trường không khí (Bụi và nước mưa)**

Trạm Yếu tố	Cúc Phương (1)	Hà Nội (Láng)	Việt Trì (2)	Đà Nẵng (3)	TP.Hồ Chí Minh (4)
Bụi lắng tổng cộng (Tấn/km <sup>2</sup> .tháng)		Chưa nhận được mẫu tháng 6/1997	5,60	1,99	4,0
pH	6,7		6,8		
Độ dẫn điện (S/cm)	32,3		24,4		20,0
NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (mg/l)	0,21		1,53	0,4	0,15
NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (mg/l)	0,40		0,20	0,6	
SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> (mg/l)	1,46		1,83		
Cl <sup>-</sup> (mg/l)	1,56		0,98		1,5
K <sup>+</sup> (mg/l)	0,50		0,45		
Na <sup>+</sup> (mg/l)	0,85		0,25		
Ca <sup>2+</sup> (mg/l)	1,40		1,40		0,0
Mg <sup>2+</sup> (mg/l)	1,34		1,22		0,1
HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (mg/l)	10,98		12,20		3,5

**2. Môi trường nước**

**2.1. Nước sông - hồ chứa**

Trạm	Yên Bái (5)	Hà Nội (6)	Bến Bình (7)	Biên Hoà (8)	Nhà Bè (9)	Hoà Bình (10)	Trị An (11)
Sông	Hồng	Hồng	Kinh Thầy	Đồng Nai	Sài Gòn	Hồ Hoà Bình	Hồ Trị An
Nhiệt độ (°C)	28,0	28,3	30,2	29,8	29,7	30,6	29,1
Tổng sắt (mg/l)	0,20	0,07	0,10	0,40	0,30	0,08	0,50
SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> (mg/l)	8,20	11,20	9,40	1,90	57,90	9,20	3,70
Cl <sup>-</sup> (mg/l)	2,06	1,57	2,15	4,60	365,90	1,90	4,60
HCO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (mg/l)	97,63	125,09	128,14	17,30	17,90	128,14	20,10
Độ kiềm (me/l)	1,600	2,050	2,100	0,280	0,290	2,100	0,330
Độ cứng (me/l)	1,345	1,589	1,832	0,260	5,320	1,810	0,240
Ca <sup>2+</sup> (mg/l)	18,10	25,85	27,33	0,40	8,90	26,23	0,50
Mg <sup>2+</sup> (mg/l)	5,38	3,64	6,08	2,90	59,30	6,09	2,70
Si (mg/l)	9,43	6,71	6,81	1,40	2,30	6,91	1,40

## 2.2. Nước biển

Trạm		Hòn Dấu (12)	Bãi Cháy	Sơn Trà (13)	Vũng Tàu (14)
Yếu tố					
Nhiệt độ	(°C)	29,6 - 29,5	Chưa	30,5 - 29,6	29,6
NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	(mg/l)	0,085 - 0,060	nhận		0,12
NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	(mg/l)	0,305 - 0,290	được	0,30 - 0,30	0,06
NO <sub>2</sub> <sup>-</sup>	(mg/l)	0,010 - 0,005	mẫu	0,001 - 0,001	0,05
PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	(mg/l)	0,145 - 0,110	tháng	0,006 - 0,006	0,08
Si	(mg/l)	1,172 - 1,034	6/1997	0,47 - 0,47	1,90
Cu	mg/l)	0,0059 - 0,0032			0,008
Pb	(mg/l)	0,0016 - 0,0012			0,004
pH		7,3 - 7,4			8,5
Độ mặn	(o/oo)	21,0 - 28,8		13,6 - 19,1	26,15

### Chú thích:

- (1) Mưa trận từ 10h15 đến 20h00 ngày 12/6/1997 ở trạm khí tượng Cúc Phương (pH đo tại Phòng Thí nghiệm sau khi nhận được mẫu)
- (2) Mưa tổng cộng từ ngày 11/6 đến ngày 21/6/1997 ở trạm khí tượng Việt Trì (pH đo tại Phòng Thí nghiệm sau khi nhận được mẫu)
- (3) Mưa trận từ 14h48 đến 16h50 ngày 25/6/1997 ở trạm khí tượng Đà Nẵng
- (4) Mưa tổng cộng tuần I tháng 6 năm 1997 tại trạm khí tượng Tân Sơn Hoà Thành phố Hồ Chí Minh
- (5,6,7,8,9) Mẫu lấy tại trạm thủy văn lúc 7h00 ngày 15/6/1997
- (10,11) Mẫu lấy ở đập lúc 7h00 ngày 15/6/1997
- (12) Số đầu là ứng với kỳ triều kém (6h00, ngày 8/6/1997) ở độ sâu 50cm; số sau là ứng với kỳ triều cường (17h00, ngày 7/6/1997) ở độ sâu 50cm
- (13) Số đầu là ứng với kỳ triều kém (17h30, ngày 5/6/1997) ở tầng mặt; số sau là ứng với kỳ triều cường (9h30, ngày 5/6/1997) ở tầng mặt
- (14) Lấy mẫu lúc 7h00 ngày 15/6/1997.

### Nhận xét

#### Môi trường không khí:

Tháng 6 là thời kỳ thuộc mùa mưa, hàm lượng các chất trong nước mưa tương đối thấp, pH nước mưa thành phố Hồ Chí Minh thấp (pH=4,0).

#### Môi trường nước:

- Nước sông - hồ: Hàm lượng các chất trong nước sông - hồ chứa thấp hơn so với các trị số tương ứng trong thời kỳ mùa khô. Đặc biệt là tại trạm Nhà Bè do bị ảnh hưởng triều nên hàm lượng các chất khá cao
- Nước biển: Độ mặn ở tầng mặt của trạm Sơn Trà thấp.